# Bản tin Phân tích kỹ thuật

02/02/2026

Vietcap

**Vũ Minh Đức**
**Phó Giám đốc**
**duc.vu@vietcap.com.vn**
**+8428 3914 3588 ext.363**

**Lê Hải Đăng**
**Chuyên viên**
**dang.le@vietcap.com.vn**
**+8428 3914 3588 ext.570**

# Chiến lược HĐTL chỉ số VN30

Nguồn: Vietcap

**Nhận định:**

- 41I1G2000 thu hẹp một phần đà tăng sau khi tiếp cận khu vực 1.980 điểm. Cuối ngày, hợp đồng này đóng cửa trên đường MA20, gia tăng khả năng xuất hiện hoạt động hồi phục. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua với mục tiêu là vùng 2.015 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.990 điểm.

**Chiến lược:**

- Mua (B): 2.000 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.015 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.990 điểm

# Quan điểm kỹ thuật

| | Ngắn hạn | Trung hạn |
|---|---|---|
| VN-Index | Tiêu cực | Tích cực |
| VN30 | Tiêu cực | Tích cực |
| VNMid | Tiêu cực | Trung tính |
| VNSmall | Trung tính | Trung tính |
| HNX | Tích cực | Trung tính |

Nguồn: Vietcap

- VN-Index chịu áp lực giảm cao, tác động phần lớn bởi nhóm Vingroup. Các cổ phiếu khác thuộc rổ VN30 đều có biên độ giảm thấp. Nhóm vốn hóa vừa và nhỏ diễn biến khả quan trong phiên 02/02. Về tín hiệu kỹ thuật, mức Tiêu cực duy trì trên VN-Index và VN30-Index.

- Hoạt động mua trong phiên gia tăng đồng đều ở nhóm Dầu khí, Tiêu dùng, Bán lẻ và Công nghiệp. Lực cung có phần dàn trải ở nhóm Chứng khoán nhưng áp lực không cao. Ở nhóm Ngân hàng và Bất động sản, không ghi nhận hoạt động bán tháo.

- VN-Index thu hẹp một phần đà giảm tại khu vực 1.770 điểm (quanh đường MA50) và đóng cửa trên ngưỡng tâm lý 1.800 điểm. Do đó, chúng tôi duy trì khả năng đây là vùng đáy ngắn hạn của chỉ số, mục tiêu tiếp theo là vùng 1.860 điểm và sử dụng ngưỡng 1.770 điểm làm ngưỡng dừng lỗ/giảm tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn.

- Ở phiên 02/02, tại khu vực 1.770 điểm, không ghi nhận sự phân tán nổi bật của hoạt động mua vùng thấp, điều này sẽ khiến chỉ số dao động giằng co trong phiên 03/02 và đây là cơ hội mở mới cái vị thế ngắn hạn với tỷ trọng thăm dò.

# Cổ phiếu khuyến nghị theo PTKT

Nguồn: Vietcap

## ANV

- ANV có xu hướng tăng trung và ngắn hạn nhờ vận động trên các đường MA20, MA50 và MA200.
- Các phiên tăng giá gần đây đi kèm mức thanh khoản gia tăng cho thấy sự cải thiện từ hoạt động mua giá cao. Khuyến nghị mở vị thế mua ngắn hạn trên ANV với mục tiêu là vùng 33.600. Dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 27.700.

| Giá mua | Giá mục tiêu | Ngưỡng dừng lỗ |
|---|---|---|
| 28.500-28.900 | 33.600 | 27.700 |

Nguồn: Vietcap

## MSN

- MSN vận động trong xu hướng tăng ngắn và trung hạn.
- Sau phiên tăng 29/01, MSN giảm nhẹ trên mức thanh khoản thấp thể hiện áp lực bán không cao. Đáng chú ý, xuất hiện hoạt động mua vùng thấp trong phiên 02/02, gia tăng khả năng tiếp tục giai đoạn tăng giá trong thời gian tới.

| Giá mua | Giá mục tiêu | Ngưỡng dừng lỗ |
|---|---|---|
| 82.600-83.800 | 92.600 | 81.300 |

Vietcap

# Bảng theo dõi những vị thế đang mở

| BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Mã | Ngày mở | Ngày đóng | Trạng thái | Giá hiện tại | Giá mở | Lãi/Lỗ hiện tại | Ngưỡng dừng lỗ | Giá mục tiêu | Ngưỡng dừng lỗ mới | Giá mục tiêu mới |
| MBB | 09/01/2026 | | Đang mở | 27,300 | 26,700 | 2.2% | 25,500 | 29,500 | | |
| SSI | 09/01/2026 | | Đang mở | 30,800 | 30,300 | 1.7% | 29,200 | 34,500 | 30,500 | 37,600 |
| BID | 28/01/2026 | | Đang mở | 55,000 | 51,500 | 6.8% | 49,300 | 59,000 | 51,500 | |
| VCB | 28/01/2026 | | Đang mở | 71,500 | 69,400 | 3.0% | 66,400 | 75,000 | | |
| IDC | 28/01/2026 | | Đang mở | 48,500 | 44,600 | 8.7% | 40,800 | 53,500 | 45,000 | |
| PVS | 28/01/2026 | 02/02/2026 | Chốt lãi | 48,100 | 40,800 | 17.9% | 38,750 | 44,000 | 40,800 | 45,500 |
| STB | 29/01/2026 | | Đang mở | 63,500 | 62,600 | 1.4% | 58,400 | 70,000 | | |

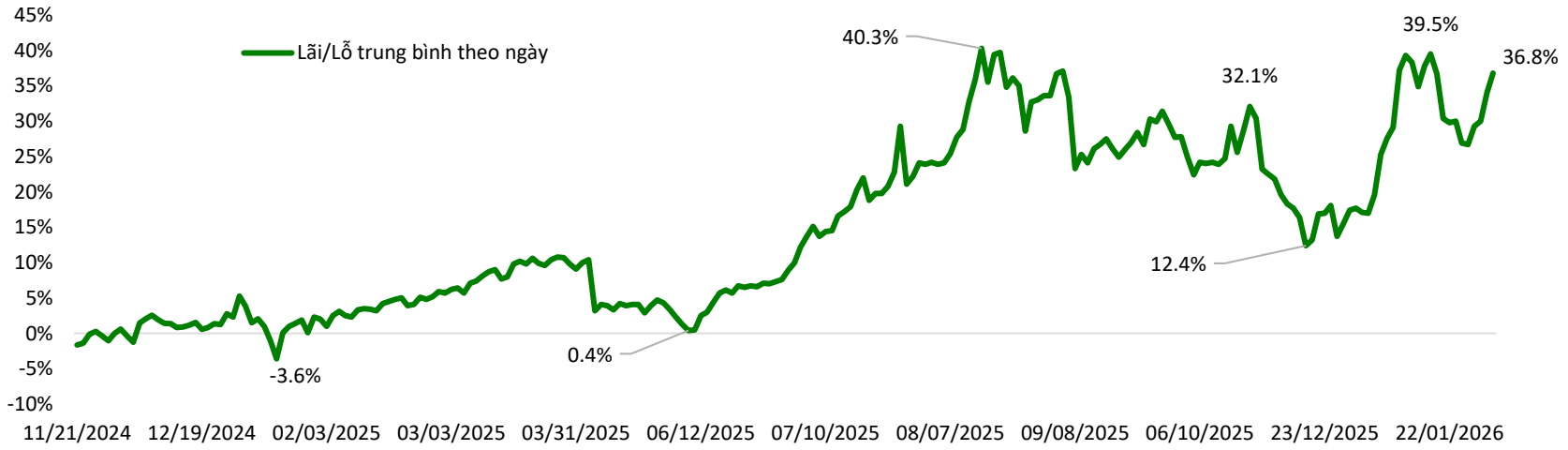


Vietcap

# Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

| TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Mã | Giá | Thay đổi giá 1 ngày | Thay đổi giá 5 ngày | Vốn hóa (tỷ VND) | Thay đổi chỉ số | EPS trượt | PB | PE | Xu hướng | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| VIC | 130,700 | -6.98% | -18.26% | 1,007,178 | -17.777 | 1,739 | 6.8 | 75.2 | Trung tính | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| VHM | 98,600 | -6.98% | -17.07% | 404,991 | -7.154 | 10,008 | 1.7 | 9.9 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| VPL | 86,800 | -6.16% | -7.17% | 155,658 | -2.427 | 631 | 4.3 | 137.6 | Trung tính | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| VCB | 71,500 | 1.42% | 2.73% | 597,431 | 2.144 | 4,210 | 2.6 | 17.0 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| GVR | 41,800 | 4.89% | 8.15% | 167,200 | 2.070 | 1,406 | 3.0 | 29.7 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| BSR | 23,900 | 6.70% | 14.63% | 119,674 | 2.028 | 1,036 | 2.0 | 23.1 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| BID | 55,000 | 2.04% | 4.76% | 386,175 | 1.994 | 4,279 | 2.3 | 12.9 | Tích cực | Tích cực | Trung tính | Tích cực |
| MCH | 153,900 | -3.27% | -2.90% | 199,218 | -1.648 | 5,524 | 11.0 | 27.9 | Tiêu cực | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| TCB | 35,000 | -2.51% | -1.82% | 248,018 | -1.573 | 3,577 | 1.5 | 9.8 | Trung tính | Trung tính | Trung tính | Tiêu cực |
| GAS | 114,500 | -2.14% | 6.22% | 276,283 | -1.494 | 4,730 | 4.2 | 24.2 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| CTG | 39,350 | 1.55% | 3.01% | 305,629 | 1.198 | 4,454 | 1.7 | 8.8 | Tích cực | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| VNM | 72,600 | 2.83% | 5.37% | 151,731 | 1.088 | 4,503 | 4.9 | 16.1 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| BVH | 74,600 | 6.88% | 10.03% | 55,377 | 0.964 | 3,996 | 2.3 | 18.7 | Tích cực | Tích cực | Trung tính | Trung tính |
| GEE | 170,900 | -5.48% | -10.52% | 62,549 | -0.867 | 8,873 | 7.8 | 19.3 | Tiêu cực | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| VPB | 27,600 | -1.43% | -0.54% | 218,976 | -0.792 | 3,024 | 1.3 | 9.1 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |

# Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

| TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Mã | Giá | Thay đổi giá 1 ngày | Thay đổi giá 5 ngày | Vốn hóa (tỷ VND) | Thay đổi chỉ số | EPS trượt | PB | PE | Xu hướng | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| KSF | 77,500 | 9.93% | 19.23% | 69,734 | 6.611 | 17,478 | 4.0 | 4.4 | Tích cực | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| KSV | 207,700 | -9.97% | 25.65% | 41,540 | -3.954 | 10,115 | 8.0 | 20.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| PVS | 48,100 | 5.95% | 22.08% | 24,599 | 1.397 | 3,560 | 1.6 | 13.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| PVI | 88,200 | 2.08% | 2.44% | 20,660 | 0.411 | 4,695 | 2.5 | 18.8 | Trung tính | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| HUT | 16,000 | 1.91% | 5.26% | 17,093 | 0.312 | 488 | 1.6 | 32.8 | Trung tính | Tiêu cực | Tiêu cực | Trung tính |
| HGM | 225,000 | -9.96% | 0.00% | 2,835 | -0.270 | 37,750 | 6.0 | 6.0 | Tiêu cực | Trung tính | Trung tính | Tiêu cực |
| TNG | 22,600 | 8.65% | 20.21% | 2,909 | 0.240 | 3,163 | 1.5 | 7.1 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| IDC | 48,500 | 1.25% | 10.23% | 18,406 | 0.220 | 5,090 | 2.9 | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| PTI | 31,500 | -5.69% | 1.61% | 3,799 | -0.206 | 2,418 | 1.4 | 13.0 | Trung tính | Tích cực | Trung tính | Trung tính |
| HHC | 120,200 | 9.97% | -19.71% | 1,974 | 0.188 | 1,616 | 3.1 | 74.4 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |

| TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Mã | Giá | Thay đổi giá 1 ngày | Thay đổi giá 5 ngày | Vốn hóa (tỷ VND) | Thay đổi chỉ số | EPS trượt | PB | PE | Xu hướng | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| VGI | 128,900 | 4.54% | 3.95% | 389,124 | 0.083 | 3,063 | 9.5 | 41.7 | Tích cực | Trung tính | Tích cực | Tích cực |
| FOX | 92,000 | -3.97% | -0.54% | 67,329 | -0.013 | 4,627 | 6.2 | 19.7 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| MSR | 38,800 | -4.67% | 30.64% | 43,168 | -0.010 | 10 | 3.5 | 3,820.9 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| ACV | 54,300 | -0.91% | 1.69% | 193,334 | -0.008 | 2,971 | 2.9 | 18.2 | Trung tính | Trung tính | Tiêu cực | Tiêu cực |
| MVN | 65,000 | 2.04% | 2.52% | 77,922 | 0.008 | 1,438 | 5.7 | 45.1 | Tích cực | Trung tính | Tích cực | Tích cực |
| DCV | 221,000 | -18.15% | 15.65% | 6,933 | -0.006 | 3,750 | 8.9 | 59.3 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| TTD | 140,100 | 41.37% | 52.28% | 2,098 | 0.004 | 6,156 | 5.8 | 21.9 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| VCR | 39,000 | 9.55% | -4.88% | 8,190 | 0.004 | -134 | 5.3 | -290.4 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| OIL | 17,000 | 4.29% | 18.06% | 17,139 | 0.003 | 412 | 1.6 | 40.3 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| F88 | 209,100 | -2.74% | -13.74% | 23,656 | -0.003 | 6,543 | 9.7 | 32.8 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |

# Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

| VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Mã | Giá | Thay đổi Giá | GTGD (tỷ VND) | GTGD TB 30 phiên | Giá thấp nhất 52 tuần | Giá cao nhất 52 tuần | PB | PE | Xu hướng | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| BID | 55,000 | 2.0% | 640.8 | 531.4 | 32,093 | 54,500 | 2.3 | 12.9 | Tích cực | Tích cực | Trung tính | Tích cực |
| GVR | 41,800 | 4.9% | 327.4 | 240.4 | 21,986 | 40,850 | 3.0 | 29.7 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| MWG | 93,700 | 0.9% | 1282.8 | 689.9 | 45,593 | 92,900 | 4.2 | 19.6 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| BSR | 23,900 | 6.7% | 759.7 | 504.2 | 9,009 | 22,400 | 2.0 | 23.1 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| FRT | 175,500 | 3.3% | 279.3 | 88.6 | 99,280 | 169,900 | 7.2 | 37.6 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| PGV | 25,100 | 6.8% | 8.2 | 2.0 | 17,200 | 24,200 | 1.6 | 7.6 | Tích cực | Tích cực | Trung tính | Trung tính |
| PVS | 48,100 | 5.9% | 582.1 | 397.9 | 20,000 | 45,400 | 1.6 | 13.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| PVD | 33,150 | 6.9% | 685.4 | 295.0 | 16,282 | 31,000 | 1.1 | 17.8 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| IDC | 48,500 | 1.3% | 278.5 | 152.7 | 28,700 | 47,900 | 2.9 | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| QNS | 47,600 | 0.2% | 12.8 | 6.9 | 40,496 | 47,500 | 1.6 | 9.1 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| OIL | 17,000 | 4.3% | 157.7 | 95.6 | 8,527 | 16,300 | 1.6 | 40.3 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| DGW | 52,400 | 6.9% | 419.2 | 122.7 | 28,316 | 49,000 | 3.4 | 21.0 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| PVT | 21,700 | 4.6% | 145.1 | 110.5 | 14,091 | 21,050 | 1.2 | 9.8 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| NT2 | 26,750 | 1.7% | 42.5 | 41.0 | 15,727 | 26,650 | 1.6 | 7.7 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| PTB | 56,500 | 6.6% | 46.3 | 9.1 | 40,725 | 53,960 | 1.4 | 7.7 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| MSH | 38,400 | 7.0% | 102.5 | 18.9 | 23,556 | 37,150 | 2.3 | 7.1 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| DHC | 38,000 | 3.8% | 60.0 | 15.4 | 20,156 | 36,767 | 1.7 | 9.3 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| TNG | 22,600 | 8.7% | 106.2 | 28.4 | 12,948 | 21,550 | 1.5 | 7.1 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| VVS | 86,200 | 6.7% | 32.5 | 12.5 | 14,555 | 80,800 | 2.8 | 5.7 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| PVC | 15,800 | 9.7% | 98.8 | 43.0 | 7,400 | 14,800 | 1.3 | 47.3 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |

| PHÁ ĐÁY 52 TUẦN | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Mã | Giá | Thay đổi Giá | GTGD (tỷ VND) | GTGD TB 30 phiên | Giá thấp nhất 52 tuần | Giá cao nhất 52 tuần | PB | PE | Xu hướng | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| VCK | 45,200 | -1.5% | 75.0 | 113.5 | 45,900 | 52,600 | 2.4 | 16.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| OGC | 3,570 | -6.1% | 7.5 | 2.6 | 3,640 | 5,550 | 1.4 | 6.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| SD9 | 10,600 | -8.6% | 8.1 | 0.4 | 11,200 | 13,000 | 0.5 | 9.8 | Tiêu cực | Trung tính | Trung tính | Trung tính |

# Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

| KLGD ĐỘT BIẾN | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Mã | Giá | Thay đổi Giá | GTGD (tỷ VND) | GTGD TB 30 phiên | Giá thấp nhất 52 tuần | Giá cao nhất 52 tuần | PB | PE | Xu hướng | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
| POM | 7,400 | -6.3% | 121.1 | 9.0 | 1,400 | 7,900 | -3.6 | -2.7 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| HLB | 345,000 | 0.0% | 8.6 | 0.4 | 248,574 | 430,000 | 2.0 | 7.9 | Tích cực | Tích cực | Trung tính | Tiêu cực |
| SD9 | 10,600 | -8.6% | 8.1 | 0.4 | 11,200 | 13,000 | 0.5 | 9.8 | Tiêu cực | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| VMS | 50,700 | 10.0% | 11.2 | 0.9 | 16,761 | 58,600 | 3.0 | 33.4 | Tích cực | Trung tính | Tích cực | Tích cực |
| TV2 | 37,200 | 6.9% | 77.0 | 12.9 | 27,127 | 41,128 | 1.9 | 26.6 | Tích cực | Trung tính | Tiêu cực | Tiêu cực |
| DRH | 2,840 | 6.8% | 13.7 | 1.5 | 1,770 | 3,950 | 0.3 | 22.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| MSH | 38,400 | 7.0% | 102.5 | 18.9 | 23,556 | 37,150 | 2.3 | 7.1 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| PGV | 25,100 | 6.8% | 8.2 | 2.0 | 17,200 | 24,200 | 1.6 | 7.6 | Tích cực | Tích cực | Trung tính | Trung tính |
| BFC | 48,800 | 2.3% | 18.9 | 10.4 | 32,613 | 50,800 | 2.1 | 8.2 | Tích cực | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| KSF | 77,500 | 9.9% | 9.3 | 2.1 | 39,800 | 90,900 | 4.0 | 4.4 | Tích cực | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| RYG | 10,800 | 0.5% | 11.7 | 5.3 | 9,900 | 14,300 | 0.7 | 15.3 | Trung tính | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| SJE | 18,300 | -9.9% | 13.5 | 2.6 | 14,597 | 25,300 | 0.8 | 2.9 | Tiêu cực | Tích cực | Tích cực | Tích cực |

# Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

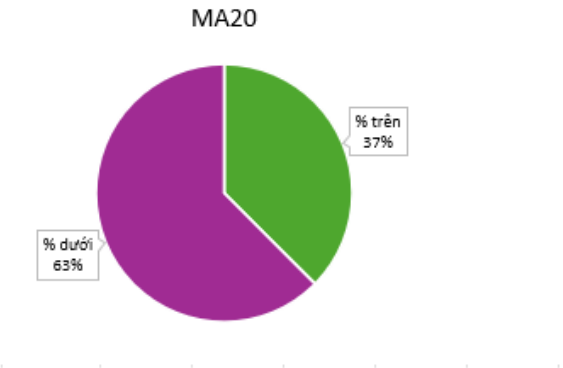


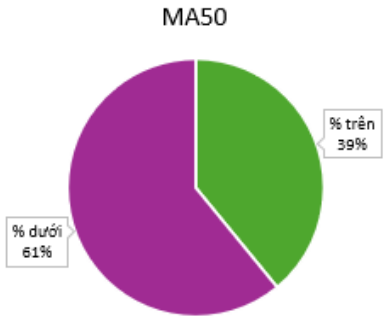


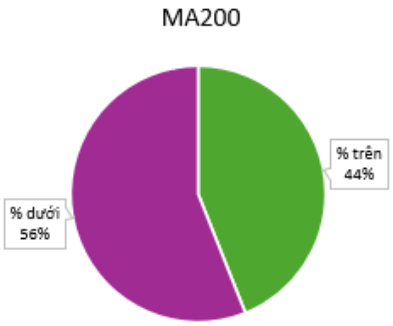


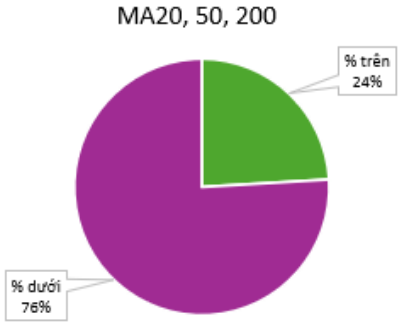


Vietcap

# Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

| Ngày | | | 02/2/2026 | 30/01/2026 | 29/1/2026 | 28/01/2026 | 27/01/2026 | 26/01/2026 | 23/01/2026 | 22/01/2026 | 21/01/2026 | 20/01/2026 | 19/01/2026 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| VNINDEX | MA200 | Trên | 46% | 48% | 46% | 46% | 46% | 44% | 49% | 53% | 53% | 54% | 55% |
| | | Dưới | 54% | 52% | 54% | 54% | 54% | 56% | 51% | 47% | 47% | 46% | 45% |
| | MA50 | Trên | 44% | 44% | 44% | 39% | 41% | 39% | 49% | 54% | 50% | 54% | 57% |
| | | Dưới | 56% | 56% | 56% | 61% | 59% | 61% | 51% | 46% | 50% | 46% | 43% |
| | MA20 | Trên | 41% | 44% | 44% | 35% | 37% | 36% | 50% | 60% | 51% | 56% | 59% |
| | | Dưới | 59% | 56% | 56% | 65% | 63% | 64% | 50% | 40% | 49% | 44% | 41% |
| VN30 | MA200 | Trên | 83% | 90% | 83% | 87% | 90% | 87% | 90% | 90% | 90% | 90% | 93% |
| | | Dưới | 17% | 10% | 17% | 13% | 10% | 13% | 10% | 10% | 10% | 10% | 7% |
| | MA50 | Trên | 53% | 60% | 57% | 50% | 63% | 60% | 73% | 80% | 73% | 83% | 83% |
| | | Dưới | 47% | 40% | 43% | 50% | 37% | 40% | 27% | 20% | 27% | 17% | 17% |
| | MA20 | Trên | 47% | 43% | 43% | 37% | 43% | 30% | 70% | 77% | 67% | 80% | 83% |
| | | Dưới | 53% | 57% | 57% | 63% | 57% | 70% | 30% | 23% | 33% | 20% | 17% |
| HNX | MA200 | Trên | 40% | 40% | 42% | 43% | 43% | 44% | 47% | 49% | 47% | 49% | 49% |
| | | Dưới | 60% | 60% | 58% | 57% | 57% | 56% | 53% | 51% | 53% | 51% | 51% |
| | MA50 | Trên | 37% | 38% | 41% | 37% | 38% | 38% | 42% | 47% | 46% | 48% | 50% |
| | | Dưới | 63% | 62% | 59% | 63% | 62% | 62% | 58% | 53% | 54% | 52% | 50% |
| | MA20 | Trên | 40% | 40% | 42% | 43% | 43% | 44% | 47% | 49% | 47% | 49% | 49% |
| | | Dưới | 60% | 60% | 58% | 57% | 57% | 56% | 53% | 51% | 53% | 51% | 51% |
| UPCOM | MA200 | Trên | 35% | 36% | 35% | 32% | 34% | 33% | 38% | 38% | 36% | 37% | 39% |
| | | Dưới | 65% | 64% | 65% | 68% | 66% | 67% | 62% | 62% | 64% | 63% | 61% |
| | MA50 | Trên | 39% | 39% | 37% | 35% | 37% | 37% | 40% | 40% | 39% | 39% | 40% |
| | | Dưới | 61% | 61% | 63% | 65% | 63% | 63% | 60% | 60% | 61% | 61% | 60% |
| | MA20 | Trên | 44% | 45% | 44% | 43% | 43% | 44% | 46% | 46% | 46% | 46% | 46% |
| | | Dưới | 56% | 55% | 56% | 57% | 57% | 56% | 54% | 54% | 54% | 54% | 54% |

Vietcap

# Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

| Ngành 18 | Tháng 2 | | | | | | | Tháng 1 | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 02 ↓ | 30 | 29 | 28 | 27 | 26 | 23 | 22 | 21 | 20 | 19 | 16 | 15 | 14 | 13 | 12 | 09 | 08 | 07 | 06 |
| ↗ 1 Dầu khí | 91 | 90 | 90 | 89 | 88 | 87 | 88 | 91 | 90 | 90 | 91 | 91 | 91 | 92 | 90 | 89 | 90 | 89 | 87 | 85 |
| ↗ 2 Bán lẻ | 82 | 75 | 71 | 69 | 65 | 70 | 79 | 82 | 82 | 83 | 84 | 77 | 74 | 74 | 72 | 66 | 62 | 67 | 67 | 65 |
| 3 Viễn thông | 72 | 73 | 74 | 76 | 73 | 76 | 80 | 84 | 86 | 91 | 92 | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| ! 4 Hàng cá nhân & Gia ... | 72 | 70 | 67 | 64 | 64 | 73 | 78 | 75 | 74 | 83 | 83 | 81 | 81 | 76 | 72 | 70 | 61 | 54 | 49 | 43 |
| 5 Công nghệ Thông tin | 71 | 75 | 75 | 58 | 59 | 62 | 72 | 74 | 75 | 75 | 85 | 81 | 73 | 69 | 66 | 67 | 63 | 61 | 53 | 50 |
| ↗ 6 Thực phẩm và đồ uố... | 67 | 65 | 64 | 62 | 61 | 62 | 65 | 66 | 66 | 66 | 65 | 65 | 64 | 61 | 58 | 46 | 48 | 50 | 49 | 48 |
| 7 Điện, nước & xăng d... | 66 | 66 | 66 | 64 | 66 | 68 | 71 | 73 | 72 | 72 | 74 | 71 | 70 | 72 | 68 | 64 | 65 | 67 | 67 | 66 |
| ! 8 Tài nguyên Cơ bản | 65 | 64 | 60 | 56 | 53 | 58 | 61 | 60 | 60 | 61 | 61 | 63 | 58 | 54 | 54 | 46 | 50 | 47 | 45 | 40 |
| ↗ 9 Hóa chất | 65 | 65 | 64 | 64 | 66 | 69 | 71 | 71 | 69 | 71 | 71 | 71 | 71 | 66 | 64 | 61 | 56 | 54 | 51 | 41 |
| 10 Y tế | 62 | 62 | 62 | 74 | 73 | 73 | 72 | 74 | 69 | 74 | - | - | - | - | - | - | 65 | 64 | 52 | 53 |
| 11 Hàng & Dịch vụ Côn... | 60 | 51 | 51 | 53 | 54 | 58 | 66 | 70 | 73 | 72 | 69 | 70 | 66 | 62 | 60 | 49 | 44 | 45 | 44 | 36 |
| 12 Bảo hiểm | 58 | 59 | 59 | 60 | 60 | 68 | 75 | 84 | 84 | 83 | 84 | 84 | 77 | 73 | 71 | 68 | 64 | 65 | 64 | 53 |
| ↘ 13 Ngân hàng | 57 | 52 | 52 | 57 | 59 | 63 | 62 | 64 | 65 | 69 | 68 | 66 | 68 | 70 | 70 | 62 | 59 | 59 | 54 | 42 |
| ↘ 14 Xây dựng và Vật liệu | 50 | 46 | 45 | 46 | 44 | 45 | 45 | 46 | 47 | 52 | 53 | 49 | 48 | 48 | 45 | 40 | 38 | 40 | 37 | 34 |
| ↘ 15 Ô tô và phụ tùng | 47 | 43 | 43 | 43 | 41 | 41 | 49 | 48 | 50 | 56 | 57 | 55 | 52 | 48 | 42 | 34 | 32 | 34 | 35 | 32 |
| ↘ 16 Dịch vụ tài chính | 43 | 36 | 35 | 35 | 37 | 42 | 42 | 41 | 44 | 52 | 54 | 55 | 53 | 53 | 53 | 38 | 29 | 30 | 26 | 21 |
| ↘ 17 Du lịch và Giải trí | 43 | 45 | 44 | 45 | 55 | 58 | 57 | 55 | 56 | 57 | 60 | 64 | 65 | 63 | 62 | 58 | 51 | 49 | 48 | 45 |
| ↘ 18 Bất động sản | 33 | 28 | 27 | 28 | 32 | 36 | 38 | 38 | 37 | 34 | 32 | 31 | 31 | 32 | 31 | 29 | 34 | 36 | 35 | 34 |

Vietcap

# Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

| Mã | Giá | Tăng giảm 1 phiên | Tăng giảm 5 phiên | Vốn hóa (tỷ đồng) | PB | PE | EPS | KLGD (tỷ đồng) | Xu hướng | Sum | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| GVR | 41,800 | 4.9% | 8.2% | 167,200 | 3.0 | 29.7 | 1,406 | 327.4 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| VNM | 72,600 | 2.8% | 5.4% | 151,731 | 4.9 | 16.1 | 4,503 | 770.5 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| MWG | 93,700 | 0.9% | 11.4% | 137,594 | 4.2 | 19.6 | 4,777 | 1,282.8 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| TCX | 55,700 | -1.4% | 0.2% | 128,740 | 2.9 | 20.5 | 2,713 | 116.1 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| MSN | 83,800 | -0.2% | 8.4% | 121,168 | 3.4 | 30.9 | 2,710 | 988.8 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Trung tính |
| STB | 63,500 | 0.8% | 2.4% | 119,711 | 2.0 | 20.2 | 3,150 | 771.2 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| BSR | 23,900 | 6.7% | 14.6% | 119,674 | 2.0 | 23.1 | 1,036 | 759.7 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| PLX | 60,900 | 3.4% | 6.8% | 77,379 | 3.0 | 28.7 | 2,122 | 595.8 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| MSR | 38,800 | -4.7% | 30.6% | 43,168 | 3.5 | 3,820.9 | 10 | 212.7 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| KSV | 207,700 | -10.0% | 25.7% | 41,540 | 8.0 | 20.5 | 10,115 | 16.2 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| FRT | 175,500 | 3.3% | 21.0% | 29,888 | 7.2 | 37.6 | 4,667 | 279.3 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| GMD | 68,200 | -0.4% | 6.6% | 29,087 | 2.2 | 17.1 | 3,986 | 135.3 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| PGV | 25,100 | 6.8% | 11.3% | 28,199 | 1.6 | 7.6 | 3,285 | 8.2 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Trung tính | Trung tính |
| PVS | 48,100 | 5.9% | 22.1% | 24,599 | 1.6 | 13.5 | 3,560 | 582.1 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| VGC | 52,500 | 4.8% | 13.9% | 23,538 | 2.7 | 16.8 | 3,130 | 134.5 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Trung tính | Tiêu cực |
| DCM | 37,850 | 3.4% | 8.8% | 20,038 | 1.9 | 10.5 | 3,618 | 230.3 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| PVD | 33,150 | 6.9% | 21.0% | 18,427 | 1.1 | 17.8 | 1,866 | 685.4 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| IDC | 48,500 | 1.3% | 10.2% | 18,406 | 2.9 | 9.5 | 5,090 | 278.5 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| QNS | 47,600 | 0.2% | 2.4% | 17,406 | 1.6 | 9.1 | 5,231 | 12.8 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |
| OIL | 17,000 | 4.3% | 18.1% | 17,139 | 1.6 | 40.3 | 412 | 157.7 | Tích cực | 9.5 | Tích cực | Tích cực | Tích cực |

# Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

| Mã | Giá | Tăng giảm 1 phiên | Tăng giảm 5 phiên | Vốn hóa (tỷ đồng) | PB | PE | EPS | KLGD (tỷ đồng) | Xu hướng | Sum | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| SJS | 52,000 | 0.0% | -8.6% | 15,469 | 4.5 | 43.4 | 1,199 | 5.2 | Tiêu cực | -9.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| VCG | 19,200 | 0.3% | -9.6% | 12,412 | 1.1 | 3.2 | 6,084 | 153.0 | Tiêu cực | -9.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| DXS | 7,200 | -3.4% | -2.8% | 4,170 | 0.7 | 11.3 | 639 | 15.4 | Tiêu cực | -9.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| BGE | 4,300 | -6.5% | -4.4% | 2,993 | 0.4 | -478.0 | -9 | 6.9 | Tiêu cực | -9.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| SD9 | 10,600 | -8.6% | -10.2% | 363 | 0.5 | 9.8 | 1,081 | 8.1 | Tiêu cực | -9.5 | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| ACB | 23,750 | -1.5% | -4.2% | 121,996 | 1.3 | 7.8 | 3,042 | 341.1 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| VCK | 45,200 | -1.5% | -2.8% | 68,787 | 2.4 | 16.5 | 2,742 | 75.0 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| VRE | 28,100 | -7.0% | -9.4% | 63,852 | 1.3 | 9.9 | 2,837 | 377.0 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| VIB | 17,500 | -1.7% | 0.3% | 59,570 | 1.3 | 8.2 | 2,143 | 92.4 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| SSB | 17,150 | 0.0% | -1.2% | 48,792 | 1.2 | 8.9 | 1,938 | 49.7 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| EIB | 20,650 | -1.0% | -4.4% | 38,465 | 1.5 | 33.8 | 610 | 195.4 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| VIX | 21,900 | -3.1% | -3.7% | 33,538 | 1.6 | 6.2 | 3,533 | 808.0 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| REE | 61,200 | -1.4% | -1.0% | 33,149 | 1.6 | 13.1 | 4,668 | 72.9 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| GEX | 35,000 | -4.6% | -4.6% | 31,584 | 1.8 | 21.4 | 1,635 | 319.4 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| VND | 18,100 | -2.2% | -2.2% | 27,554 | 1.3 | 13.6 | 1,328 | 240.6 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| NAB | 14,150 | 0.0% | -1.4% | 24,277 | 1.0 | 5.8 | 2,438 | 19.3 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| HSG | 15,750 | -2.2% | -0.9% | 9,780 | 0.9 | 15.6 | 1,012 | 77.2 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| BSI | 38,700 | -1.3% | 0.7% | 9,496 | 1.7 | 19.2 | 2,012 | 9.6 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| NKG | 14,900 | -2.0% | 0.3% | 6,669 | 0.9 | 32.3 | 461 | 82.5 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Trung tính | Tiêu cực |
| CTS | 31,000 | -0.8% | -2.2% | 6,593 | 2.3 | 11.4 | 2,715 | 20.6 | Tiêu cực | -7.5 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |

# Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

| Mã | Giá | Thay đổi giá 1 ngày | Thay đổi giá 5 ngày | Giá mục tiêu | % Upside | EPS trượt | PB | PE | Xu hướng | Xu hướng T-1 | Xu hướng T-2 | Xu hướng T-3 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| DXS | 7,200 | -3.36% | -2.83% | 13,600 | 82.6% | 639 | 0.7 | 11.3 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| NLG | 28,750 | -2.38% | -2.04% | 52,100 | 76.9% | 1,805 | 1.1 | 15.9 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| KDH | 27,200 | -1.09% | -1.63% | 48,500 | 76.4% | 943 | 1.7 | 28.9 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| DGC | 67,300 | -1.90% | -2.18% | 118,000 | 72.0% | 7,965 | 1.7 | 8.5 | Tiêu cực | Trung tính | Tiêu cực | Tiêu cực |
| STK | 16,600 | 3.11% | 7.10% | 25,500 | 58.4% | 353 | 1.3 | 47.0 | Trung tính | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| DXG | 15,200 | -1.30% | 3.75% | 24,000 | 55.8% | 229 | 1.2 | 66.5 | Tiêu cực | Trung tính | Tiêu cực | Tiêu cực |
| NVL | 12,850 | -1.15% | 8.44% | 20,000 | 53.8% | 862 | 0.6 | 14.9 | Trung tính | Trung tính | Tiêu cực | Tiêu cực |
| GEX | 35,000 | -4.63% | -4.63% | 54,000 | 47.1% | 1,635 | 1.8 | 21.4 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| ACB | 23,750 | -1.45% | -4.23% | 33,300 | 38.2% | 3,042 | 1.3 | 7.8 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| VPB | 27,600 | -1.43% | -0.54% | 38,000 | 35.7% | 3,024 | 1.3 | 9.1 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| HDG | 27,650 | 0.73% | 9.72% | 37,000 | 34.8% | 1,907 | 1.5 | 14.5 | Trung tính | Trung tính | Trung tính | Tiêu cực |
| HPG | 26,550 | -0.93% | 0.95% | 35,700 | 33.2% | 2,013 | 1.6 | 13.2 | Tiêu cực | Trung tính | Trung tính | Tiêu cực |
| SZC | 32,800 | 1.86% | 8.07% | 42,400 | 31.7% | 1,917 | 1.8 | 17.1 | Tích cực | Tích cực | Trung tính | Tiêu cực |
| SSI | 30,800 | -1.12% | -0.65% | 40,800 | 31.0% | 2,037 | 2.4 | 15.1 | Trung tính | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| ACG | 35,700 | 0.00% | 1.85% | 45,800 | 28.3% | 3,342 | 1.2 | 10.7 | Trung tính | Trung tính | Tích cực | Tích cực |
| VGC | 52,500 | 4.79% | 13.88% | 64,100 | 27.9% | 3,130 | 2.7 | 16.8 | Tích cực | Tích cực | Trung tính | Tiêu cực |
| TV2 | 37,200 | 6.90% | 11.04% | 43,900 | 26.1% | 1,399 | 1.9 | 26.6 | Tích cực | Trung tính | Tiêu cực | Tiêu cực |
| REE | 61,200 | -1.45% | -0.97% | 78,200 | 25.9% | 4,668 | 1.6 | 13.1 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| BMI | 18,150 | -1.36% | 1.68% | 23,100 | 25.5% | 1,988 | 0.9 | 9.1 | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực | Tiêu cực |
| TCB | 35,000 | -2.51% | -1.82% | 44,800 | 24.8% | 3,577 | 1.5 | 9.8 | Trung tính | Trung tính | Trung tính | Tiêu cực |

# Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công  ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

# Thông tin liên hệ

## Phòng Research

**Duc Vu, Associate Director**
+84 28 3914 3588, ext 363
duc.vu@vietcap.com.vn

**Research team**
+84 28 3914 3588
research@vietcap.com.vn

**Nam Hoang, Head of Research**
+84 28 3914 3588, ext 124
nam.hoang@vietcap.com.vn

## Brokerage and Institutional Sales & Trading

**Anthony Le**
**Director, Brokerage & Institutional Sales & Trading**
+84 28 3914 3588, ext 525
anthony.le@vietcap.com.vn

**Quynh Chau**
**Managing Director**
**Brokerage**
+84 28 3914 3588, ext 222
quynh.chau@vietcap.com.vn

Vietcap